

Số: 2022/2026/TBĐG-BP

Gia Lai, ngày 30 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Quyền sử dụng đất ở năm 2026 – đợt 1 tại phường Bình Định, tỉnh Gia Lai)

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở năm 2026 – đợt 1 tại phường Bình Định, tỉnh Gia Lai, cụ thể:

- Tổng số lượng các lô đấu giá quyền sử dụng đất: 68 lô.
- Tổng diện tích: 14.766,96 m²
- Tổng giá khởi điểm: **210.843.629.340 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).

(Vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá các lô đất của từng phiên đấu giá có phụ lục chi tiết kèm theo thông báo đấu giá số 2022/2026/TBĐG-BP ngày 30/9/2026).

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý phường Bình Định.

Địa chỉ: Số 77 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản :

Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú.

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, Đường A2 khu TĐC Đê Đông – Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá, cụ thể:

Phiên đấu giá ngày: 19/10/2026 gồm 68 lô đất ở tại các khu dân cư trên địa bàn phường Bình Định, tỉnh Gia Lai.

(Ký hiệu, vị trí, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo thông báo 2022/2026/TBĐG-BP ngày 30/9/2026).

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 00 phút ngày **13/10/2026**.

+ Tại trụ sở Ban Quản lý phường Bình Định (Số 77 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai): **Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày 14/10/2026**.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Đến 16 giờ 00 phút, ngày **14/10/2026**.

- Tổ chức đấu giá: từ 08 giờ 00 phút, ngày **19/10/2026**, tại trụ sở **Ban Quản lý phường Bình Định (Số 77 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai)**.



5. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Tất cả các cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá; phải nộp hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ và khoản tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó;

- **Bộ hồ sơ mời tham gia đấu giá hợp lệ, gồm các loại chứng từ, cụ thể:**

+ 01 Giấy đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu Công ty ĐGHD Bình Phú phát hành);

+ 01 bản Photo hình ảnh chụp lại Căn cước công dân điện tử trên phần mềm VNeID;

+ 01 bản gốc/ bản photo Chứng từ nộp tiền của tiền đặt trước nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 bản gốc chứng từ nộp tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá nộp riêng từng lô đất và nộp đúng số tiền theo Thông báo;

+ 01 phiếu trả giá gián tiếp (vòng 1) đựng trong bì thư, có ghi họ tên người tham gia đấu giá, tài sản đấu giá, niêm phong và ký giáp lai.

➔ **Các loại giấy tờ trên: bấm theo từng lô riêng biệt, bỏ vào bì thư do công ty cung cấp có ghi họ tên khách hàng tham gia và nộp vào thùng Hồ sơ khách hàng.**

Lưu ý: Hồ sơ ghi đầy đủ nội dung, không được tẩy, xóa; không được sửa đổi, bấm theo từng lô và có chữ ký của người đăng ký. Nếu vi phạm, xem như không hợp lệ. Khách hàng sử dụng bút bi xanh, màu mực không thể xóa được; **Nếu hồ sơ viết bằng bút bi mờ (có thể tẩy xóa được): hồ sơ không hợp lệ.**

6. Nộp khoản tiền đặt trước tham gia đấu giá:

Tên tài khoản nộp: Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú:

- Số tài khoản: 5819064123 tại Ngân hàng BIDV – CN Phú Tài

- Số tài khoản: 118002780120 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Tài

- Số tài khoản: 9914064123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Quy Nhơn

- Số tài khoản: 4300000064123 tại Ngân hàng Agribank CN Bình Định

Lưu ý:

+ **Cách thức nộp Tiền đặt trước tham gia đấu giá: nộp riêng từng lô** vào tài khoản ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú.

+ Nội dung ghi trong Giấy chuyển tiền: ghi tên người tham gia đấu giá + địa điểm lô đất tại phường. (Ví dụ: Nguyễn Văn A nộp tiền đấu giá đất phường...).

Nếu không ghi nội dung tên người tham gia đấu giá và địa điểm cụ thể: hồ sơ không hợp lệ.

+ **Chứng từ nộp tiền:** nộp Bản chính hoặc bản sao;

Nếu chuyển tiền qua banking: chứng từ đó phải thể hiện Giao dịch đã thành công, Mã số giao dịch, Thời gian giao dịch, Tên người tham gia đấu giá, Địa điểm lô đất (phường);

Mỗi chứng từ nộp tiền: chỉ dùng cho 01 lô đất. Nếu trùng chứng từ nộp tiền, xem như hồ sơ các lô đất khác không hợp lệ.

+ **Phải nộp đúng số tiền Thông báo**, tất cả trường hợp không đúng số tiền Thông báo đều không hợp lệ, trừ trường hợp khách hàng có nhiều hơn 01 giấy nộp tiền, thì tổng số tiền trên các giấy nộp tiền đó phải bằng với số tiền theo Thông báo

7. Hình thức và phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp tại vòng 01 (lấy 03 mức giá cao nhất vào vòng 02) và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá từ vòng 02 trở đi.

- Phương thức đấu giá: trả giá lên, bán riêng từng lô.

- **Quy định về giá trả tại vòng 1 (vòng bỏ phiếu gián tiếp):** Người tham gia đấu giá bắt buộc phải trả giá và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm nhưng phải **tròn bước giá**. (Ví dụ: giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên).

+ **Ví dụ cách trả giá:** Lô đất số 01 – khu G có giá khởi điểm: 100 triệu đồng, bước giá: 10 triệu đồng. Người tham gia đấu giá ghi phiếu trả giá chọn ghi như sau:

* Bước giá trả cộng thêm bằng số là: 0 bước, 01 bước, 02 bước, 03 bước, ...

* Bước giá trả cộng thêm bằng chữ là: khởi điểm, một bước, hai bước, ba bước, ...

+ Và phải ghi đầy đủ 02 mục bằng chữ và bằng số: trong phiếu trả giá.

8. Quy định về giá trúng đấu giá:

Giá trúng đấu giá = Giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên.

9. **Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:** Liên tục kể từ ngày ra thông báo cho đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi tọa lạc của lô đất.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

• **Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú.**

Địa chỉ: Lô 24 - khu Đ05, Đường A2 khu TĐC Đê Đông – Nhơn Bình, Phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

• **Ban Quản lý phường Bình Định.**

Địa chỉ: 77 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai.

• **UBND phường Bình Định.**

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp, Sở Tài chính đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan;
- Ban Quản lý phường Bình Định – niêm yết;
- UBND phường Bình Định – niêm yết;
- Đăng tải trang thông tin điện tử công ty;
- Niêm yết, lưu Công ty.



GIÁM ĐỐC

Đào Đức Thọ

22.C.T.H.Đ
JIA LAI

PHỤ LỤC

ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở NĂM 2026 - ĐỢT 1 TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH

(Phụ lục kèm Thông báo đấu giá số 2022/2026/TBDG-BP ngày 30/9/2026 của Công ty đấu giá hợp danh Bình Phú)

- Thời gian, địa điểm bán Hồ sơ đăng ký, nộp Hồ sơ tham gia đấu giá và Phiếu trả giá:
 + Tại trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phú: Trong giờ hành chính các ngày làm việc, liên tục kể từ ngày ban hành thông báo đến 16 giờ 00 phút ngày 13/10/2026.
 + Tại trụ sở Ban Quản lý phường Bình Định (Số 77 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai): Từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút ngày 14/10/2026.
 - Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 19/10/2026 tại trụ sở Ban Quản lý phường Bình Định (Số 77 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai),

T T	Khu dân cư/ Lô số	Diện tích (m2)	Vị trí đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)				
1	2	3	4	5	7	8=3*7				9
I	I. Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm	11.632,30				157.866.875.100				
1	Khu H	242,30				3.052.980.000				
1	20	242,30	Đường QH ĐS4 - Đường QH ĐS8	16	12.600.000	3.052.980.000	62.000.000	610.596.000	200.000	Lô góc
2	Khu BT3	1.331,50				16.364.135.000				
2	1	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
3	2	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
4	3	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
5	5	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
6	6	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
3	Khu BT4	2.760,30				35.145.098.500				
7	1	266,30	Đường QH ĐS3	26	13.519.000	3.600.109.700	73.000.000	720.021.940	200.000	Giáp đường kỹ thuật
8	2	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
9	3	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
10	4	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
11	5	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
12	6	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
13	7	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	

T T	Khu dân cư/ Lô số	Diện tích (m2)	Vị trí đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)				
14	8	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
15	9	266,30	Đường QH ĐS3	26	12.290.000	3.272.827.000	66.000.000	654.565.400	200.000	
16	10	363,60	Đường QH ĐS3	26	14.748.000	5.362.372.800	108.000.000	1.072.474.560	300.000	Lô góc
4	Khu BT5	1.204,20				16.108.583.400				
17	3	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
18	4	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
19	5	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
20	6	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
21	7	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
22	8	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
23	9	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
24	10	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
25	11	133,80	Đường QH ĐS5	16	14.553.000	1.947.191.400	49.000.000	389.438.280	200.000	Giáp đường kỹ thuật
5	Khu BT6	2.814,00				38.125.420.200				
26	1	133,80	Đường QH ĐS5	16	14.553.000	1.947.191.400	49.000.000	389.438.280	200.000	Giáp đường kỹ thuật
27	2	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
28	3	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
29	4	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
30	5	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
31	6	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
32	7	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
33	8	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
34	9	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
35	10	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
36	11	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
37	12	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	

T T	Khu dân cư/ Lô số	Diện tích (m2)	Vị trí đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)				
38	13	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
39	14	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
40	15	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
41	16	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
42	17	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
43	18	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
44	19	133,80	Đường QH ĐS5	16	13.230.000	1.770.174.000	45.000.000	354.034.800	200.000	
45	20	271,80	Đường QH ĐS5	16	15.876.000	4.315.096.800	87.000.000	863.019.360	200.000	Lô góc
6	Khu NP-TM1	875,70				11.953.305.000				
46	22	291,90	Đường QH ĐS7	20	13.650.000	3.984.435.000	80.000.000	796.887.000	200.000	
47	23	291,90	Đường QH ĐS7	20	13.650.000	3.984.435.000	80.000.000	796.887.000	200.000	
48	25	291,90	Đường QH ĐS7	20	13.650.000	3.984.435.000	80.000.000	796.887.000	200.000	
7	Khu NP-TM3	815,20				12.110.280.000				
49	1	288,40	Đường QH ĐS6	26	15.600.000	4.499.040.000	90.000.000	899.808.000	200.000	Lô góc
50	2	233,40	Đường QH ĐS6	26	13.000.000	3.034.200.000	61.000.000	606.840.000	200.000	
51	3	293,40	Đường QH ĐS6	26	15.600.000	4.577.040.000	92.000.000	915.408.000	200.000	Lô góc
8	Khu NP-TM4	197,30				3.231.774.000				
52	5	197,30	Đường QH ĐS6	26	16.380.000	3.231.774.000	65.000.000	646.354.800	200.000	Lô góc
9	Khu NP-TM5	1.391,80				21.775.299.000				
53	1	621,40	Đường QH ĐS6	26	16.380.000	10.178.532.000	204.000.000	2.035.706.400	300.000	Lô góc
54	2	374,50	Đường QH ĐS6	26	13.650.000	5.111.925.000	103.000.000	1.022.385.000	300.000	
55	3	395,90	Đường QH ĐS6	26	16.380.000	6.484.842.000	130.000.000	1.296.968.400	300.000	Lô góc
II	Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm	2.939,96				51.224.454.240				
1	Khu B2-6	521,32				8.443.237.860				
56	1	165,31	Đường QH ĐS6	28	18.276.000	3.021.205.560	61.000.000	604.241.112	200.000	Lô góc

T T	Khu dân cư/ Lô số	Diện tích (m2)	Vị trí đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm để đấu giá		Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)	Ghi chú
					Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)				
57	3	118,67	Đường QH ĐS6	28	15.230.000	1.807.344.100	46.000.000	361.468.820	200.000	
58	4	118,67	Đường QH ĐS6	28	15.230.000	1.807.344.100	46.000.000	361.468.820	200.000	
59	5	118,67	Đường QH ĐS6	28	15.230.000	1.807.344.100	46.000.000	361.468.820	200.000	
2	Khu B2-7	440,06				6.958.456.680				
60	16	100,00	Đường QH ĐS11	20,5	14.910.000	1.491.000.000	38.000.000	298.200.000	200.000	
61	17	100,00	Đường QH ĐS 11	20,5	14.910.000	1.491.000.000	38.000.000	298.200.000	200.000	
62	18	125,09	Đường QH ĐS11	20,5	17.892.000	2.238.110.280	45.000.000	447.622.056	200.000	Lô góc
63	19	114,97	Đường QH ĐS10	17,5	15.120.000	1.738.346.400	44.000.000	347.669.280	200.000	Lô góc
3	Khu NP-TM2	1.978,58				35.822.759.700				
64	1	782,34	Đường Nguyễn Văn Linh	20,5	22.680.000	17.743.471.200	355.000.000	3.548.694.240	300.000	Lô góc
65	18	277,87	Đường QH ĐS7	20,5	13.650.000	3.792.925.500	76.000.000	758.585.100	200.000	
66	23	277,12	Đường QH ĐS7	20,5	13.650.000	3.782.688.000	76.000.000	756.537.600	200.000	
67	24	641,25	Đường QH ĐS7	20,5	16.380.000	10.503.675.000	211.000.000	2.100.735.000	300.000	Lô góc
III	Khu dân cư tổ 5, khu vực Kim Châu, phường Bình Định	194,70				1.752.300.000				
1	Khu A 22	194,70				1.752.300.000				
68	2	194,70	Đường QH ĐS1	16	9.000.000	1.752.300.000	44.000.000	350.460.000	200.000	
TỔNG CỘNG		14.766,96				210.843.629.340		42.168.725.868	14.200.000	



GIÁM ĐỐC

Đào Đức Thọ